

Thời gian làm bài 50 phút (40 câu trắc nghiệm)

Họ Tên : .....Số báo danh : .....

**Mã Đề : 101**

**Hãy chọn một phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu.**

**Câu 01:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết đừa được trồng nhiều ở các tỉnh nào sau đây?

- A. Phú Yên, Bình Thuận. B. Quảng Ngãi, Bình Định.  
C. Phú Yên, Bình Định. D. Khánh Hòa, Ninh Thuận.

**Câu 02:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi có độ cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là

- A. Kon Ka Kinh. B. Lang Biang. C. Chư Yang Sin. D. Ngọc Linh.

**Câu 03:** Đô thị hóa ở nước ta có đặc điểm là

- A. phân bố đô thị đều giữa các vùng. B. quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.  
C. trình độ đô thị hóa thấp. D. tỉ lệ dân thành thị giảm.

**Câu 04:** Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là

- A. núi cao. B. đồi núi thấp. C. đồng bằng. D. núi trung bình.

**Câu 05:** Châu lục có tuổi thọ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là

- A. châu Á. B. châu Mỹ. C. châu Âu. D. châu Phi.

**Câu 06:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, lưu vực sông có diện tích lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. sông Cả. B. sông Chu. C. sông Gianh. D. sông Bến Hải.

**Câu 07:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, tỉnh ở Tây Nguyên không giáp với Lào hoặc Campuchia là

- A. Đắk Lắk. B. Gia Lai. C. Kon Tum. D. Lâm Đồng.

**Câu 08:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

- A. Quảng Ninh. B. Hưng Yên. C. Bắc Giang. D. Bắc Ninh.

**Câu 09:** Đông Nam Á biển đảo có dạng địa hình chủ yếu nào?

- A. Đồi, núi và núi lửa. B. Núi và cao nguyên.  
C. Các thung lũng rộng. D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn.

**Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Vân Phong. B. Năm Căn. C. Định An. D. Phú Quốc.

**Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ, chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A. thương mại. B. dịch vụ.  
C. công nghiệp và xây dựng. D. nông, lâm, thủy sản.

**Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, điểm du lịch biển nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đá Nhảy. B. Đồ Sơn. C. Sầm Sơn. D. Thiên Cầm.

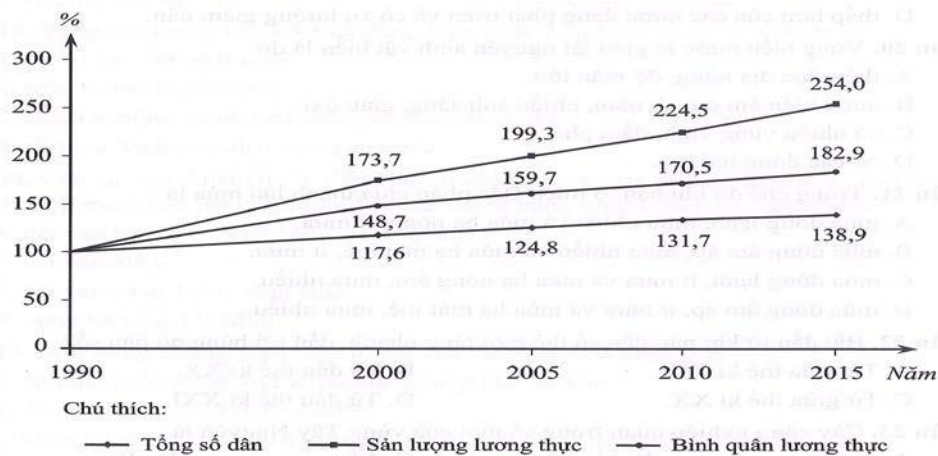
**Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích trồng cây công nghiệp của nước ta giai đoạn 2000 – 2007?

- A. Diện tích cây hàng năm tăng liên tục.  
B. Diện tích cây lâu năm tăng liên tục.  
C. Diện tích cây lâu năm luôn lớn hơn cây hàng năm.  
D. Năm 2007, diện tích cây lâu năm lớn hơn gần 2,2 lần cây hàng năm.

**Câu 14:** Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên khô nóng ở Bắc Trung Bộ nước ta?

- A. Gió phơn Tây Nam. B. Gió mùa Đông Bắc. C. Gió mùa Tây Nam. D. Gió mùa Đông Nam.

**Câu 15:** Cho biểu đồ:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta năm 2015.
- B. Tốc độ tăng trưởng tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta qua các năm.
- C. Tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta năm 2015.
- D. Tổng số dân, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người của nước ta qua các năm.

**Câu 16:** Cho bảng số liệu:

**GDP CỦA TRUNG QUỐC VÀ THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1985	1995	2004	2010	2015
Trung Quốc	239	698	1649	6040	11008
Thế giới	12360	29357	40888	65648	74510

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tỷ trọng GDP của Trung Quốc so với thế giới tăng giảm không ổn định.
- B. Tỷ trọng GDP của Trung Quốc có xu hướng giảm.
- C. Tỷ trọng GDP của Trung Quốc luôn ổn định.
- D. Tỷ trọng GDP của Trung Quốc ngày càng tăng.

**Câu 17:** Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng

- A. tăng tỷ trọng khu vực I, giảm tỷ trọng khu vực II và III.
- B. giảm tỷ trọng khu vực I và III, tăng tỷ trọng khu vực II.
- C. giảm tỷ trọng khu vực I, tăng tỷ trọng khu vực II và III.
- D. tăng tỷ trọng khu vực I và III, giảm tỷ trọng khu vực II.

**Câu 18:** Trong cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế, có tỷ trọng giảm nhưng vẫn luôn giữ vai trò chủ đạo là

- A. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. B. kinh tế Nhà nước. C. kinh tế tư nhân. D. kinh tế ngoài Nhà nước.

**Câu 19:** Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị: %)

Năm \ Khu vực	Thành thị	Nông thôn
1990	19,5	80,5
1995	20,8	79,2
2000	24,2	75,8
2005	26,9	73,1
2010	30,5	69,5
2015	33,9	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Nhận xét nào sau đây là đúng với bảng số liệu trên?

- A. Số dân vùng nông thôn của nước ta ngày càng giảm.
- B. Tỷ lệ dân số nông thôn của nước ta giảm đi nhanh chóng.
- C. Số dân và tỷ lệ dân thành thị ở nước ta không tăng.
- D. Sự chênh lệch tỷ lệ dân số giữa nông thôn và thành thị đang thu hẹp.

**Câu 20:** Việc làm đường hầm ô tô qua Hoàng Sơn và Hải Vân ở vùng Bắc Trung Bộ góp phần

- A. mở rộng giao thương với nước bạn Lào.
- B. mở rộng giao thương với nước bạn Campuchia.
- C. làm tăng khả năng vận chuyển của tuyến Bắc - Nam.
- D. làm tăng khả năng vận chuyển của tuyến Đông - Tây.

**Câu 21:** Khó khăn nào **không** phải của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền.
- B. Bão và áp thấp nhiệt đới.
- C. Thiếu nước trong mùa khô.
- D. Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn.

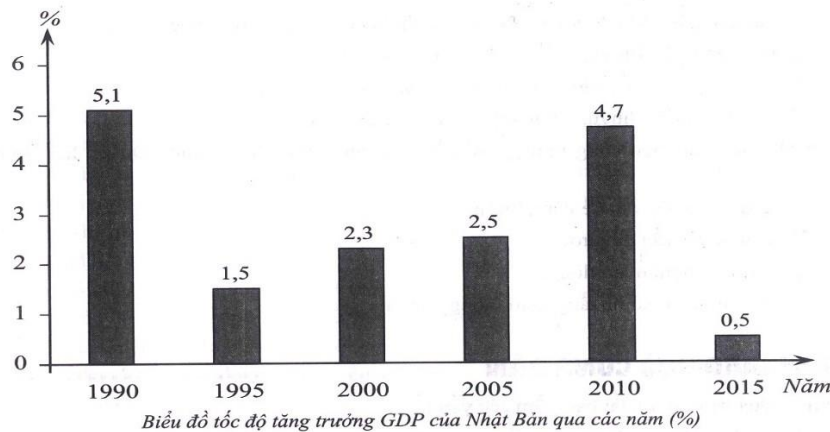
**Câu 22:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- A. Tỉ trọng nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.
- B. Giá trị sản xuất tăng liên tục qua các năm.
- C. Các ngành sản xuất chính rất đa dạng.
- D. Tập trung dày đặc nhất ở đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 23:** Nơi nào của Hoa Kỳ có đặc điểm địa hình “bao gồm các dãy núi trẻ chạy song song, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên”?

- A. Vùng Coóc-đi-e.
- B. Dãy núi già A-pa-lat.
- C. Vùng Trung tâm.
- D. Ven Đại Tây Dương.

**Câu 24:** Cho biểu đồ:



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản thấp và hầu như không biến động.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản không ổn định.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản cao hàng đầu thế giới.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Nhật Bản giảm liên tục.

**Câu 25:** Mục đích chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp ở các nước Đông Nam Á là

- A. thay thế cây lương thực.
- B. nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- C. mặt hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.
- D. khai thác thế mạnh về đất đai.

**Câu 26:** Nước ta cần phải đẩy mạnh đánh bắt xa bờ vì

- A. nguồn lợi hải sản ven bờ đã cạn kiệt.
- B. góp phần bảo vệ môi trường vùng biển.
- C. nước ta có nhiều ngư trường xa bờ.
- D. hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ chủ quyền.

**Câu 27:** Tài nguyên khoáng sản nổi trội hàng đầu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

- A. dầu mỏ và khí đốt.
- B. nước khoáng và vàng.
- C. than đá và sắt.
- D. đá vôi và than bùn.

**Câu 28:** Để thu hút vốn đầu tư và công nghệ của nước ngoài, Trung Quốc đã

- A. xây dựng nhiều thành phố, làng mạc.
- B. thành lập các đặc khu kinh tế, khu chế xuất.
- C. tiến hành tư nhân hóa, cơ chế thị trường.
- D. tiến hành cải cách ruộng đất.

**Câu 29:** Điều kiện nào sau đây **không** đúng với vùng Bắc Trung Bộ trong phát triển công nghiệp?

- A. Cửa ngõ thông ra biển để mở rộng giao lưu với các nước.
- B. Giáp với đồng bằng sông Hồng, có nguồn lao động và thị trường.
- C. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.
- D. Có cơ sở vật chất kỹ thuật tốt phục vụ cho công nghiệp.

**Câu 30:** Một trong những đặc điểm của nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là

- A. sản xuất nhỏ, công cụ thủ công. B. phần lớn sản phẩm để tiêu dùng tại chỗ.  
C. sử dụng nhiều sức người, năng suất lao động thấp. D. đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa.

**Câu 31:** Yếu tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt thủy sản ở nước ta là

- A. nguồn lợi thủy sản. B. điều kiện khí hậu. C. địa hình đáy biển. D. chế độ thủy văn.

**Câu 32:** Nhân tố **không** đúng khi nói về thuận lợi đối với việc sản xuất muối ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. người dân có kinh nghiệm lâu đời. B. địa hình vùng bờ biển có nhiều vũng vịnh.  
C. số giờ nắng và gió trong năm nhiều. D. không có các hệ thống sông ngòi lớn.

**Câu 33:** Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. thủy lợi. B. khí hậu. C. giống. D. thị trường.

**Câu 34:** Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp. B. quy hoạch lại các vùng chuyên canh.  
C. đẩy mạnh khâu chế biến sản phẩm. D. tìm thị trường xuất khẩu ổn định.

**Câu 35:** Ý nào **không** đúng trong việc phát huy các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Ngăn chặn được các thiên tai đến với vùng.  
B. Nâng cao đời sống, thay đổi tập quán sản xuất của người dân.  
C. Bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên giới.  
D. Góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế của vùng.

**Câu 36:** Nhân tố quan trọng nhất khiến cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng trong thời gian gần đây là

- A. cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt. B. nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.  
C. mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm. D. điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**Câu 37:** Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2015

Dân số	Năm			
	2000	2005	2010	2015
Tổng số dân (nghìn người)	77635	82392	86947	91713
Số dân thành thị (nghìn người)	18772	22332	26515	31068
Tốc độ gia tăng dân số tự nhiên (%)	1,36	1,31	1,03	0,94

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, NXB Thống kê, 2017)

Để thể hiện tổng số dân, số dân thành thị và tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 2000 – 2015 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Cột. C. Kết hợp. D. Miền.

**Câu 38:** Biện pháp nào **không** hợp lí khi sử dụng và cải tạo thiên nhiên của đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Khai thác tối đa các nguồn lợi trong mùa lũ.  
B. Bón phân hữu cơ để nâng cao độ phì cho đất.  
C. Chia ô nhỏ trong đồng ruộng để thu chua, rửa mặn.  
D. Tìm các giống lúa chịu được đất phèn, mặn.

**Câu 39:** Hướng nào dưới đây **không** đặt ra để tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

- A. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.  
B. Xây dựng cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.  
C. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng.  
D. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, công nghệ.

**Câu 40:** Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năng suất lúa ở đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là

- A. lịch sử khai thác lâu đời. B. trình độ thâm canh cao.  
C. đất đai màu mỡ. D. cơ sở hạ tầng tốt.

-----HẾT-----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

## ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 101

1	<b>B</b>	11	<b>C</b>	21	<b>B</b>	31	<b>A</b>
2	<b>D</b>	12	<b>B</b>	22	<b>D</b>	32	<b>B</b>
3	<b>C</b>	13	<b>A</b>	23	<b>A</b>	33	<b>A</b>
4	<b>B</b>	14	<b>A</b>	24	<b>B</b>	34	<b>D</b>
5	<b>D</b>	15	<b>B</b>	25	<b>C</b>	35	<b>A</b>
6	<b>A</b>	16	<b>D</b>	26	<b>D</b>	36	<b>C</b>
7	<b>D</b>	17	<b>C</b>	27	<b>A</b>	37	<b>C</b>
8	<b>C</b>	18	<b>B</b>	28	<b>B</b>	38	<b>B</b>
9	<b>A</b>	19	<b>D</b>	29	<b>D</b>	39	<b>C</b>
10	<b>A</b>	20	<b>C</b>	30	<b>D</b>	40	<b>B</b>